**MA TRẬN ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Chủ đề*** | ***Nội dung kiến thức/kĩ năng*** | ***Mức độ nhận thức*** | ***Tổng số câu*** | ***Tổng% điểm*** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| ***Chủ đề 4.***Ứng dụng tin học | Bài 9. Trình bày bảng tính | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 | 15 %(1,5 đ) |
| Bài 10. Hoàn thiện bảng tính | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 5%(0,5 đ) |
| Bài 11. Tạo bài trình chiếu | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 5%(0,5 đ) |
| Bài 12. Định dạng đối tượng trên trang chiếu | 2 |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 3 | 1 | 27,5%(2,75 đ) |
| ***Chủ đề 5.*** Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 14. Thuật toán tìm kiếm tuần tự | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 5%(0,5 đ) |
| Bài 15. Thuật toán tìm kiếm nhị phân | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 2 | 1 | 25%(2,0 đ) |
| Bài 16. Thuật toán sắp xếp | 2 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 3 | 1 | 17,5%(1,75 đ) |
| ***Tổng*** | 12 | 1 | 4 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 16 | 4 | 100%(10,0 điểm) |
| ***Tỉ lệ %*** | 40% | 30% | 20% | 10% | 40% | 60% |
| ***Tỉ lệ chung*** | 70% | 30% | 100% |

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **1** | **Chủ đề E.** **Ứng dụng tin học** | 1. Bảng tính điện tử cơ bản | **Nhận biết**– Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính. **Thông hiểu**– Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu. **Vận dụng**– Thực hiện được một số thao tác đơn giản với trang tính.– Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT, …– Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức.**Vận dụng cao**– Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản. | **4TN****1TL** |  |  |  |
| 2. Phần mềm trình chiếu cơ bản | **Nhận biết**– Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.**Vận dụng**– Sử dụng được các định dạng cho văn bản, ảnh minh hoạ và hiệu ứng một cách hợp lí. – Sao chép được dữ liệu phù hợp từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. – Tạo được một báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp, ảnh minh hoạ, hiệu ứng động. | **4TN** | **1TN****1TL** |  |  |
| **2** | **Chủ đề E.** **Ứng dụng tin học** | Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản  | **Nhận biết**– Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn. **Thông hiểu**– Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản, bằng các bước thủ công (không cần dùng máy tính). – Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh hoạ. **Vận dụng**– Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán đó trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. | **4TN** | **3TN** | **1TL** | **1TL** |
| **Tổng điểm** |  | **4,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | **30%** |

**ĐỀ BÀI**

***I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)***

***Câu 1.***Nếu muốn giảm bớt số chữ số sau dấu phẩy, em chọn nút lệnh nào sau đây trong nhóm lệnh Number của thẻ Home?

|  |  |
| --- | --- |
| A.  B. C.  D.  |  |

***Câu 2.***Khi muốn xóa hàng, cột em dùng lệnh nào?

A. Insert B. Delete C. Hide D. Unhide

***Câu 3.***Phím tắt để mở hộp thoại Format Cells là gì?

A. Ctrl + A B. Ctrl + P C. Ctrl + 1 D. Ctrl + 0

***Câu 4.*** Cho các thao tác sau:

a) Trong cửa sổ Format Cells, chọn trang Broder. Thiếp lập các thông số kẻ đường viền, kẻ khung.

b) Chọn vùng dữ liệu muốn kẻ đường viền, kẻ khung.

c) Mở cửa sổ Format Cells.

Hãy sắp xếp thứ tự các thao tác để thực hiện kẻ khung, đường viền?

A. a → b → c B. a → c → b C. b → a → c D. b → c→ a

***Câu 5.***Các mẫu tạo sẵn bố cục nội dung có thể được sử dụng cho một bài trình chiếu gọi là:

A. Trình chiếu. B. Mẫu bố trí. C. Mẫu kí tự. D. Mẫu thiết kế.

***Câu 6.***Phương án***sai***:

A. Phần mềm trình chiếu cho phép người sử dụng trình bày thông tin dưới hình thức trình chiếu.

B. Phần mềm trình chiếu có các hiệu ứng giúp làm cho nội dung trình bày thêm sinh động và ấn tượng.

C. Phần mềm trình chiếu thường được sử dụng để tạo bài trình chiếu trong các hội thảo, dạy học, tạo album với các hiệu ứng hoạt hình.

D. Không thể in trên giấy các tệp được tạo bởi phần mềm trình chiếu.

***Câu 7.***Thẻ lệnh nào chứa lệnh chèn hình ảnh vào trang chiếu?

A. Home B. Insert C. Design D. View

***Câu 8.***Khi muốn căn lề giữa nội dung, em thực hiện như thế nào?

A. Chọn nội dung/vào hộp thoại Paragraph/Chọn lệnh căn giữa

B. Chọn nội dung/vào hộp thoại Font/Chọn lệnh căn giữa

C. Chọn nội dung/vào hộp thoại Clipboard/Chọn lệnh căn giữa

D. Chọn nội dung/vào hộp thoại Drawing/Chọn lệnh căn giữa

***Câu 9.***Hiệu ứng cho đối tượng nằm trong thẻ nào?

A. Transitons B. Animations C. Desigh D. Insert

***Câu 10.***Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm tuần tự không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc.

B. Thông báo “Tìm thấy”.

C. Thông báo “Không tìm thấy” và kết thúc.

D. Thông báo “Tìm thấy” và kết thúc.

***Câu 11.***Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

A. Lưu trữ dữ liệu.

B. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

C. Xử lí dữ liệu.

D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho.

***Câu 12.***Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 4 trong danh sách [2, 6, 8, 4, 10, 12]. Đầu ra của thuật toán là gì?

A. Thông báo “Không tìm thấy”.

B. Thông báo “Tìm thấy”.

C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 4 của danh sách.

D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.

***Câu 13.***Chọn câu diễn đạt đúng hoạt động của thuật toán nhị phân:

A. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

B. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

C. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

D. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

***Câu 14.***Thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp danh sách bằng cách:

A. Chọn phần tử có giá trị bé nhất đặt vào đầu danh sách.

B. Chọn phần tử có giá trị nhỏ nhất đặt vào đầu danh sách.

C. Hoán đổi nhiều lần các phần tử liền kề nếu giá trị của chúng không đúng thứ tự.

D. Chèn phần tử vào vị trí thích hợp để đảm bảo dánh ách sắp xếp theo đúng thứ tự.

***Câu 15.***Tại sao chúng ta chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn?

A. Để thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.B. Để thay đổi đầu vào của bài toán.

C. Để bài toán dễ giải quyết hơn.

D. Để bài toán khó giải quyết hơn.

***Câu 16.***Thực hiện thuật toán sắp xếp nổi bọt cho dãy số 8, 22, 7, 19, 5 để được dãy số tăng dần. Kết quả của vòng lặp thứ nhất là gì?

A. 5, 22, 8, 19, 7. B. 8, 7, 19, 22, 5.

C. 7, 22, 8, 19, 5. D. 5, 8, 22, 7, 19.

***II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)***

***Câu 1. (1 điểm)*** Em hãy nêu các thao tác sau:

a) Xóa hàng, cột.

b) Chèn thêm một hàng, cột mới.

***Câu 2. (2 điểm)*** Đánh dấu X vào cột Đúng/Sai tương ứng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Phát biểu*** | ***Đúng*** | ***Sai*** |
| a) Hình ảnh không chỉ truyền tải thông tin mà còn gợi cảm xúc của người xem. |  |  |
| b) Nội dung trong mỗi trang chiếu cần viết cô đọng, chọn lọc từ ngữ và chỉ nên tập trung vào một ý chính. |  |  |
| c) Một bài trình chiếu có càng nhiều hình ảnh minh họa càng tốt. |  |  |
| d) Nên biên tập lại nội dung và định dạng văn bản trong trang chiếu sau khi sao chép từ tệp văn bản sang. |  |  |
| e) Không cần lưu ý đến bản quyền từ hình ảnh. |  |  |
| f) Không nên dùng nhiều màu, nhiều phông chữ trên một trang chiếu. |  |  |

***Câu 3. (2 điểm)*** Em hãy viết các bước lặp thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm tên bạn “Hòa” trong danh sách như hình sau:

***Câu 4. (1 điểm)*** Em hãy dùng thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp dãy số dưới đây theo thứ tự tăng dần, mỗi vòng lặp duyệt từ phần tử cuối về đầu:

83, 5, 8, 12, 65, 72, 71.

**……………………. Hết …………………….**

***ĐÁP ÁN ĐỀ THI***

***I. Trắc nghiệm (4 điểm)***

- Mỗi câu đúng tương ứng với 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1. D*** | ***2. B*** | ***3. C*** | ***4. D*** | ***5. B*** | ***6. D*** | ***7. B*** | ***8. A*** |
| ***9. B*** | ***10. C*** | ***11. D*** | ***12. C*** | ***13. B*** | ***14. C*** | ***15. C*** | ***16. D*** |

***II. Tự luận (6 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***Đáp án*** | ***Điểm*** |
| ***Câu 1******(1 điểm)*** | a) Nháy chuột vào tên của hàng hoặc cột để chọn hàng hoặc cột muốn xóa. Nháy nút phải chuột vào chỗ chọn, chọn Delete.b) Chọn hàng (dưới hàng muốn chèn) hoặc cột (bên phải cột muốn chèn). Nháy nút phải chuột vào chỗ chọn, chọn Insert. | ***0,5******0,5*** |
| ***Câu 2******(2 điểm)*** | Đúng: a, b, d, fSai: c, e | ***2,0*** |
| ***Câu 3******(2 điểm)*** | **Bước 1.** Vị trí giữa vùng tìm kiếm là 5. So sánh “Hòa” và “Mai”. Vì H đứng trước M trong bảng chữ cái nên vùng tìm kiếm là nửa trước của dãy (từ vị trí 1 đến vị trí 4).**Bước 2.** Vị trí giữa vùng tìm kiếm là 2. So sánh “Hòa” và “Bình”. Vì H đứng sau B trong bảng chữ cái nên vùng tìm kiếm là nửa sau của dãy (từ vị trí 3 đến vị trí 4).**Bước 3.** Vị trí của vùng tìm kiếm là 3. So sánh ta thấy giá trị ở vị trí giữa đúng là “Hòa” là giá trị cần tìm. Thuật toán kết toán. | ***0,75******0,75******0,5*** |
| ***Câu 4******(1 điểm)*** | Mô phỏng các bước sắp xếp dãy số 83, 5, 8, 12, 65, 72, 71 theo thuật toán nổi bọt:Vòng lặp 1: 83, 5, 8, 12, 65, 72, 71 → 5, 83, 8, 12, 65, 71, 72.Vòng lặp 2: 5, 83, 8, 12, 65, 71, 72 → 5, 8, 83, 12, 65, 71, 72.Vòng lặp 3: 5, 8, 83, 12, 65, 71, 72 → 5, 8, 12, 83, 65, 71, 72.Vòng lặp 4: 5, 8, 12, 83, 65, 71, 72 → 5, 8, 12, 65, 83, 71, 72.Vòng lặp 5: 5, 8, 12, 65, 83, 71, 72 → 5, 8, 12, 65, 71, 83, 72.Vòng lặp 6: 5, 8, 12, 65, 71, 83, 72 → 5, 8, 12, 65, 71, 72, 83.Sau 6 vòng lặp thì dãy số mới được sắp xếp đúng theo yêu cầu. | ***1,0*** |